

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2025/DS-ST**

Ngày: 18 - 3 - 2025

V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 55/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông T. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2024; ông T vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H (do ông T là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Gia đình bà H có một phần đất thuộc thửa số 142, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do cha bà H là ông X (đã chết) đứng tên. Phần đường đi vào nhà, đất của bà H là một đường mương thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà S (đã chết) đứng tên. Bà S có các người con là ông N, ông S1, bà S2, ông S3, bà S4. Phần đất thuộc thửa số 34 do ông N quản lý, sử dụng từ trước đến nay.

Vào năm 2016, chùa Thiên Đức có làm một con đường lớn, bà H có xe ô tô nhưng không có đường cho xe vào nhà nên phải đem xe ô tô đi gửi chỗ khác rất bất tiện, bà H tìm hỏi mua đất của các hộ xung quanh để làm đường cho xe chạy vào nhà. Lúc này ông N và ông Y có xích mích với nhau về ranh đất, vốn dĩ là một đường nương, nên bà H mới nghĩ mua lại đường nương này từ ông N để làm đường đi vào nhà, từ đó mà ông N và ông Y cũng không còn cự cãi với nhau nữa. Ông N nói không bán đường nương này mà đồng ý để cho bà H làm đường đi cho có tình làng nghĩa xóm, nên bà H mới thỏa thuận là sẽ làm cho ông N một cái hàng rào bao quanh đất của ông N thì ông N đồng ý.

Sau đó, bà H mua cát về san lấp đường nương rồi mua vật tư và thuê người đến làm đường, các anh em và gia đình ông N có hỗ trợ và kêu ông N ra làm tiếp bà H. Ban đầu bà H chỉ đổ đat 2,5 mét, nhưng thấy đường nhỏ xe ô tô vào không được nên bà H mới xin ông N cho đổ đat thêm 0,5 mét nữa là 03 mét ngang để xe ô tô ra vào thuận tiện thì ông N đồng ý, lần đổ đat thêm 0,5 mét này bà H có mượn ông N và 01 người ở gần nhà trực tiếp làm và bà H có trả tiền công hàng ngày cho ông N. Sau khi làm đường xong khoảng 03 ngày, bà H tiếp tục mua lưới B40, trụ đá và thuê người đến làm hàng rào bao quanh đất của ông N, khi đó gia đình ông N cùng nhau kéo lưới rào hết đất của ông N. Chi phí mà bà H đã bỏ ra để làm đường là khoảng 200.000.000 đồng và làm hàng rào là khoảng 12.000.000 đồng, tổng cộng là khoảng 212.000.000 đồng.

Trong quá trình san lấp đường nương, làm đường và hàng rào, các anh em và gia đình ông N cùng mọi người xung quanh đều biết, hỗ trợ bà H và không có bất kỳ sự tranh chấp hay ngăn cản nào. Gia đình bà H sử dụng con đường này khoảng hơn 06 năm thì ông N đột nhiên rào lại không cho gia đình bà H sử dụng. Bà H có hỏi ông N lý do thì ông N nói là không thích nên không cho đi. Sau đó, bà H có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ông N tháo dỡ phần lưới B40 đã rào trên con đường đat 03 mét mà bà H đã làm; trong quá trình giải quyết vụ án, qua các lần hòa giải bà H cảm thấy nếu như kéo dài hai bên không được gì mà còn mất đi tình làng, nghĩa xóm nên bà H rút yêu cầu khởi kiện để có thời gian thương lượng với ông N, nhưng cho đến nay hai bên vẫn không thương lượng được. Hiện nay, bà H cũng không cần đi lại trên phần đất này nữa mà chỉ yêu cầu ông N phải hoàn trả cho bà H giá trị phần đường bê tông là 14.161.740 đồng và giá trị phần công rào là 4.875.090 đồng, tổng cộng là 19.036.830 đồng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập vào ngày 04/7/2023.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải hoàn trả cho bà H giá trị phần đường bê tông là 14.161.740 đồng và giá trị phần công rào là 4.875.090 đồng, tổng cộng là 19.036.830 đồng.

Ông T là người đại diện hợp pháp của bà H đề nghị Tòa án cho ông T được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Bị đơn ông N:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T là người đại diện hợp pháp của bà H vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải hoàn trả cho bà H giá trị phần đường bê tông là 14.161.740 đồng và giá trị phần công rào là 4.875.090 đồng, tổng cộng là 19.036.830 đồng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản là chưa chính xác, vì bà H khởi kiện yêu cầu ông N phải bồi thường thiệt hại về giá trị tài sản là phần đường bê tông và phần công rào mà bà H đã bỏ chi phí ra để xây dựng, chứ bà H không có khởi kiện yêu cầu ông N trả lại tài sản; do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông N là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà H là ông T vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà H và ông N quản lý, sử dụng các thửa đất nằm giáp ranh với nhau; thửa đất của bà H thuộc quyền sử dụng của cha bà H là ông X và bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng; thửa đất của ông N thuộc quyền sử dụng của mẹ ông N là bà S và ông N là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Thửa đất của ông N đã vây bọc toàn bộ và ngăn cách thửa đất của bà H với đường công cộng, nên muốn đi ra đường công cộng thì bà H phải đi ngang qua thửa đất của ông N và bà H có quyền yêu cầu mở lối đi qua thửa đất của ông N, đây là quyền dân sự được pháp luật ghi nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do có mối quan hệ hàng xóm và cũng không có tranh chấp, nên vào năm 2016 giữa bà H và ông N đã thỏa thuận với nhau về việc ông N đồng ý chừa một lối đi tại vị trí đường mương trên thửa đất của ông N để cho bà H bỏ chi phí ra để san lấp đường mương, đổ đال để làm đường đi từ thửa đất của bà H ở phía trong ra đường công cộng ở phía ngoài,

bà H cũng đồng ý bỏ chi phí ra để làm hàng rào lưới B40 bao quanh thửa đất của ông N để thuận tiện cho việc sử dụng đất giữa hai bên. Việc bà H san lấp đường mương, đổ đal để làm đường đi trên thửa đất của ông N và làm hàng rào lưới B40 bao quanh thửa đất của ông N được thực hiện công khai, có sự tham gia, hỗ trợ từ gia đình ông N và có sự chứng kiến của các hộ dân xung quanh; trong khoảng thời gian hơn 06 năm từ khi đường đi được làm xong cho đến khi ông N rào chắn không cho bà H đi lại thì gia đình bà H vẫn đi lại bình thường trên đường đi nhưng gia đình ông N không có ngăn cản, phản đối gì. Như vậy, có thể thấy thỏa thuận giữa bà H và ông N nêu trên là có thật, được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên phải được chính các bên tham gia thỏa thuận này tôn trọng và thực hiện, bên nào thực hiện không đúng thỏa thuận gây thiệt hại cho bên còn lại sẽ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản của bên đó với bên còn lại; trong sự việc này, lỗi hoàn toàn thuộc về ông N do đã thực hiện không đúng thỏa thuận mà không có lý do chính đáng, nên ông N phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà H giá trị phần đường bê tông là 14.161.740 đồng và giá trị phần công rào là 4.875.090 đồng, tổng cộng là 19.036.830 đồng, theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 2, 3, 6 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông N phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà H với tổng số tiền là 19.036.830 đồng.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông N phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 19.036.830 đồng x 5% = 951.842 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 254, 280, 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 2, 3, 6 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Buộc ông N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà H với số tiền là 19.036.830 đồng (*Mười chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp (do ông T là người nộp thay) là 475.921 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi một đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009526, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông N phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 951.842 đồng (*Chín trăm năm mươi một nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt